TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 4 năm 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông

Ông Phan Duy Lục

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Chín – Thư ký Toà án nhân dân huyện VT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16a/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thu H, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn Mậu A, huyện VY, tỉnh Yên Bái

2. Bị đơn: Anh Đỗ Công G, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HX, xã VT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2022 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thu H trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Công G ngày 10/01/2011, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VT. Sau khi cưới chị về làm dâu và chung sống với gia đình anh G tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, đến tháng 01/2012 anh G nói với chị và gia đình là đi làm ăn ở Miền nam để có điều kiện nuôi sống gia đình. Anh G đi làm ăn thỉnh thoảng có về nhà nhưng sau đó lại đi luôn, anh G không có trách nhiệm gì với gia đình anh đi làm nhưng không gửi tiền về chu cấp cho gia đình. Đến cuối năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng nguyên

nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến cãi nhau, nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở tại thị trấn Mậu A, huyện VY, tỉnh Yên Bái sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân hai bên có dàn xếp nhưng không đạt kết quả, hiện nay anh G có hộ khẩu ở thôn HX Ngược, xã VT, huyện VT nhưng anh đi làm ăn ở tỉnh Bình Phước còn địa chỉ cụ thể thì chị không biết. Giữa chị và gia đình chồng không có mâu thuẫn gì và mâu thuẫn chủ yếu là hai vợ chồng, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh G.

Tòa án đã báo gọi anh Đỗ Công G nhiều lần nhưng anh không đến làm việc nên không lấy được lời khai của anh G, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 01/03/2022 bà Nguyễn Thị Nga (mẹ anh G) trình bày: Năm 2011 gia đình bà tổ chức lễ cưới cho anh G với chị H, cưới xong chị H về làm dâu ở chung với gia đình bà. Tháng 01/2012 anh G nói với gia đình là đi làm ăn ở Miền nam để có điều kiện nuôi sống gia đình, từ khi anh G đi làm ăn thì ít khi liên lạc về cho gia đình thỉnh thoảng anh có về nhà nhưng sau đó lại đi luôn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh G là do anh G đi làm ăn xa không quan tâm đến chị H và gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần nên năm 2015 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố số 3, thị trấn Mậu A, huyện VY, tỉnh Yên Bái và anh chị sống ly thân nhau. Sau khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở gia đình bà không dàn xếp gì, hiện nay anh G đi làm ăn ở Miền nam nên không thể có mặt theo giấy báo của Toà án được. Anh G đi làm ăn ở Miền nam và làm ở nhiều nơi nên bà không biết được địa chỉ cụ thể của anh G, nhưng thỉnh thoảng anh G có liên lạc về cho gia đình. Gia đình bà có nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án gửi cho anh G, bà đã thông báo cho anh G biết nhưng do anh đi làm ăn ở Miền nam nên không về Tòa án để làm việc được. Anh G có nói với bà là anh cũng đồng ý ly hôn với chị H và để cho chị H nuôi cháu Đỗ Tuấn Tú. Hộ khẩu của anh G hiện nay vẫn ở gia đình bà tại thôn HX Ngược xã VT, thực tế anh G chị H sống ly thân đã lâu mà không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên gia đình cũng nhất trí với việc ly hôn của chị H.

Về con chung chị H khai: Chị và anh G có con chung là cháu Đỗ Tuấn Tú, sinh ngày 23/6/2013 hiện nay cháu đang ở với chị H ly hôn chị xin nuôi cháu Tú không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nga mẹ anh G cũng xác nhận anh G và chị H có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Quan điểm của bà đồng ý để cho chị H nuôi cháu Tú, vì chị H có đủ điều kiện nuôi con hơn anh G.

Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị H khai chị và anh G không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện VT phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

Cho chị Trần Thu H được ly hôn với anh Đỗ Công G.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thu H tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Tuấn Tú, sinh ngày 23/6/2013 chị H không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Trần Thu H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Trần Thu H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện VT giải quyết việc ly hôn của chị và anh Đỗ Công G theo quy định tại Điều 28, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT.

Về sự vắng mặt của anh G, tuy không lấy được lời khai của anh G nhưng Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ hợp lệ cho gia đình anh G nhận. Anh G có biết việc chị H làm đơn xin ly hôn anh và anh cũng đồng ý ly hôn với chị H, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh G là đúng trình tự pháp luật.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 chị Trần Thu H kết hôn với anh Đỗ Công G trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 01 con chung, quá trình chung sống do anh G đi làm ăn ở Miền nam thỉnh thoảng có về nhà nhưng sau đó lại đi luôn. Mặt khác do anh G đi làm ăn xa nên ít quan tâm tới vợ con, vợ chồng lại bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cãi nhau nên tình cảm lạnh nhạt dần, từ đó chị H đâm chán nản đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2015 cho đến nay. Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng anh G không đến làm việc, qúa trình giải quyết vụ án mặc dù anh G đã được gia đình thông báo về việc Toà án

gửi các văn bản tố tụng cho anh nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Anh G có biết chị H đã làm đơn xin ly hôn anh và anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Toà án xác minh tại địa phương được biết, hộ khẩu của anh G hiện nay vẫn ở thôn HX Ngược (thôn HX), xã VT, anh là lao động tự do. Bà Nguyễn Thị Nga (mẹ anh G) thừa nhận anh G đi làm ăn ở Miền nam nên không có nhà, thỉnh thoảng anh có về gia đình sau đó lại đi luôn. Thực tế tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh G không cải thiện được, nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là thực tâm. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị H được ly hôn với anh G là phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị H và anh G có 01 con chung là cháu Tú hiện nay cháu còn nhỏ đang ở với chị H, ly hôn chị H có nguyện vọng xin nuôi con là hoàn toàn chính đáng. Tại phiên toà chị H khai hiện nay chị đã có chỗ ở (ở cùng bố mẹ đẻ), có công ăn việc làm và thu nhập ổn định (chị mở hiệu Spa thu nhập khoảng từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ/tháng) nên có điều kiện trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tú. Mặt khác nguyện vọng của cháu Tú muốn ở với chị H, còn quan điểm của anh G và bà Nguyễn Thị Nga (mẹ anh G) cũng đồng ý để cháu Tú cho chị H nuôi dưỡng. Vì vậy căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Tú là phù hợp.

[3]. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thu H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thu H.

Xử: Cho chị Trần Thu H được ly hôn với anh Đỗ Công G.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thu H tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Tuấn Tú, sinh ngày 23/6/2013 (hiện nay cháu tú đang ở với chị H). Anh Đỗ Công G không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đỗ Công G có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị Trần Thu H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005388 ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VT, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Công G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

N*ơi nhận*:

- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;
- Các đương sự;
- UBND xã VT;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình